

Số: 1627/QĐ-UBND

Minh Thọ, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách
xã Minh Thọ năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MINH THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ- UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2026;

Căn cứ các Nghị quyết ngày 26/12/2025 của HĐND xã: số 20/NQ-HĐND về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương xã Minh Thọ năm 2026; số 19/NQ-HĐND về phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Minh Thọ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã Minh Thọ năm 2026 (Chi tiết theo các biểu kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Thủ trưởng các đơn vị, ban, ngành, đoàn thể và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực : Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đĩnh

Biểu số 01/CK TC -NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1627/QĐ- UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Minh Thọ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung thu	Dự toán năm 2026	Nội dung chi	Dự toán
Tổng thu NSDP	214.246.000	Tổng chi	258.225.000
I.Các khoản thu xã hưởng 100%	871.000	I. Chi đầu tư phát triển	<u>47.800.000</u>
II. Các khoản thu phân chi theo tỷ lệ	8.645.000	II. Chi thường xuyên	161.144.000
III.Trợ cấp NS cấp trên	204.730.000	III. Dự phòng	4.259.000
- Bổ sung cân đối	159.708.000	IV. Chi bổ sung có mục tiêu	45.022.000
- Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp	25.691.000	- Chi bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp	25.691.000
- Bổ sung mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	19.331.000	- Chi bổ sung mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	19.331.000
IV.Thu chuyển nguồn			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1627/QĐ- UBND xã ngày 31/12 /2025 của UBND xã Minh Thọ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Sè TT	Nội dung thu	Dự toán năm 2026	
		Theo Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND tỉnh	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp
	Tổng thu NSDP	214.246.000	214.246.000
I	Thu trên địa bàn	9.516.000	9.516.000
1	Thu khu vực ngoài quốc doanh	330.000	330.000
	- Thuế GTGT của cá nhân, hộ kinh doanh	330.000	330.000
	- Thuế TNDN		
2	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	300.000
	Thu từ tiền chuyển nhượng BĐS	200.000	200.000
	Thu từ hoạt động SXKD của cá nhân	100.000	100.000
3	Lệ phí trước bạ	1.605.000	1.605.000
	Lệ phí trước bạ nhà đất	30.000	30.000
	Lệ phí trước bạ ô tô xe máy, ts khác	1.575.000	1.575.000
4	Thu phí, lệ phí	60.000	60.000
5	Thuế sử dụng đất phi NN	149.000	149.000
6	Thu tiền sử dụng đất	6.800.000	6.800.000
7	Thu tiền thuê mặt đất, thuê mặt nước	40.000	40.000
8	Thu khác ngân sách	144.000	144.000
	- Thu phạt, tịch thu		
	- Thu hồi khoản chi năm trước		
	- Phạt an toàn giao thông		
	- Thu khác ngân sách	144.000	144.000
9	Thu Tại xã	88.000	88.000
	Thu đất 5% và HLCS	88.000	88.000
II	Trợ cấp NS cấp trên	204.730.000	204.730.000
1	Bổ sung cân đối	159.708.000	159.708.000
2	Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp	25.691.000	25.691.000
	Bổ sung mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2026 từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh	19.331.000	19.331.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**Kèm theo Quyết định số 1627/QĐ- UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Minh Thọ

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	214.246.000	
I	Chi đầu tư phát triển	6.800.000	
1	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	6.800.000	
II	Chi thường xuyên	159.038.000	
1	Quốc phòng	844.000	
2	An ninh	802.000	
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	89.163.000	
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.060.000	
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.222.000	
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình	500.000	
7	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.134.000	
8	Sự nghiệp bảo đảm xã hội	14.421.000	
9	Các hoạt động kinh tế	7.574.000	
10	Quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	30.724.000	
11	Chi khác	797.000	
12	Chi khen thưởng	797.000	
III	Dự phòng ngân sách	3.386.000	
IV	Chi bổ sung có mục tiêu	45.022.000	